

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 449/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 451/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 549/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2024, Thông báo thay đổi thời gian xét xử giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1983

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm H, thôn H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay : Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X : Công ty L và cộng sự. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn T. Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; địa chỉ : Số B, ngõ D, D, M, Cầu G, Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Mạc Duy Q**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Xóm H, thôn H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

(Anh Q có mặt, chị X có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị X trình bày:

Chị X và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương nay là UBND phường A, thị xã K vào ngày 15/8/2001. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013, chị X đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc cùng nhau, nhưng sau đó vợ chồng tranh cãi nhiều, cuộc sống xa cách, không có sự quan tâm, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay chị

nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mạc Thị U sinh ngày 06/1/2001 hiện cháu đã trưởng thành nên chị X không yêu cầu giải quyết; con Mạc Duy D, sinh ngày 07/4/2008, hiện cháu D đang ở cùng anh Q. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh Q chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con; tuy nhiên thông qua người đại diện theo ủy quyền, chị X đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị X tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Mạc Duy Q trình bày: Về điều kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị X trình bày là đúng. Nay chị X có quan điểm xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị X.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Mạc Thị U sinh ngày 06/1/2001 hiện đã trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết; và cháu Mạc Duy D, sinh ngày 07/4/2008, hiện cháu D đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh đề nghị được nuôi cháu D cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con cùng anh với số tiền 2.000.000đ/01 tháng.

Về tài sản chung: Anh Q không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị X và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị X được ly hôn anh Q. Về con chung, giao cháu Mạc Duy D, sinh ngày 07/4/2008 cho anh Mạc Văn Q1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi; chị X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q1 2.000.000đ/01 tháng kể từ tháng 12/2024 đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Chị X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Nguyên đơn chị X hiện đang sinh sống và làm việc Đài Loan nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị X và anh Q1 tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Hải Dương nay là UBND phường A, thị xã K vào ngày 15/8/2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị X trình bày sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013, chị đi lao động tại Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc cùng nhau, nhưng sau đó vợ chồng tranh cãi, cuộc sống xa cách, không có sự quan tâm, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng không còn. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q1. Anh Q1 cũng có quan điểm đồng ý ly hôn chị X.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị X được ly hôn anh Q1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Chị X và anh Q1 có 02 con chung là Mạc Thị U sinh ngày 06/1/2001 và Mạc Duy D, sinh ngày 07/4/2008; hiện cháu U đã trưởng thành nên chị X và anh Q1 không đề nghị Tòa án giải quyết; cháu D hiện đang do anh Q1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị X có quan điểm giao cháu D cho anh Q1 chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Q1 có quan điểm từ khi chị X đi Đài Loan 2013 đến nay anh là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 2 con, anh đề nghị Tòa án giao cháu D cho anh chăm sóc và nuôi dưỡng. Cháu D có quan điểm ở cùng bố. Do vậy, cần chấp nhận quan điểm của chị X, anh Q1 giao cháu Mạc Duy D, sinh ngày 07/4/2008 cho anh Q1 chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị X có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh Q1 số tiền 2.000.000đ/01 tháng kể từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Mạc Duy Q.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Mạc Duy D, sinh ngày 07/4/2008 cho anh Mạc Duy Q chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị X được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Mạc Duy D, sinh ngày 07/4/2008 cho anh Mạc Văn Q1 số tiền 2.000.000đ/01 tháng, kể từ tháng 12/2024 cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005120 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị X còn phải nộp 300.000đ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Q1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Chị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- UBND phường An Phú, Kinh Môn
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến